

Phẩm 7: NHẬP LY SINH

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát muốn viên mãn Bồ thí ba-la-mật-đa thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn viên mãn Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát muốn biết tường tận về sắc nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết tường tận về thọ, tưởng, hành, thức nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát muốn biết tường tận về nhãn xứ nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết tường tận về nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát muốn biết tường tận về sắc xứ nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết tường tận về thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát muốn biết tường tận về nhãn giới nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết tường tận về nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát muốn biết tường tận về sắc giới nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết tường tận về thanh, hương, vị, xúc, pháp giới nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát muốn biết tường tận về nhãn thức giới nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết tường tận về nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát muốn biết tường tận về nhãn xúc nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết tường tận về nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát muốn biết tường tận về các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết tường tận về các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát muốn biết tường tận về địa giới nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết tường tận về thủy, hỏa, phong, không, thức giới nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát muốn biết tường tận về vô minh nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết tường tận về hành, thức, danh sắc, lục xứ, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát muốn đoạn hẳn tham dục, sân giận, ngu si nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát muốn đoạn hẳn thân kiến, giới cấm thủ, nghi, dục tham, sân giận nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát muốn đoạn hẳn tham về sắc, tham vô sắc, vô minh, mạn, trạo cử nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát muốn đoạn hẳn tất cả các tùy miên trời buộc nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát muốn đoạn hẳn bốn cách ăn nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát muốn đoạn hẳn bốn dòng nước mạnh làm cho thân điên đảo thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát muốn xa lìa mười nẻo nghiệp bất thiện thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát muốn tu hành bốn Tĩnh lự thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn tu hành bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát muốn tu hành bốn Niệm trụ thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa, muốn tu hành bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát muốn đắc mười lực của Phật thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn được bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát muốn tự tại nhập Tam-ma-địa giác chi nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát muốn tự tại nhập xuất sáu phép thần thông nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát muốn đối với bốn Tĩnh lự, bốn vô sắc, định diệt tận thứ lớp vượt qua thuận nghịch tự tại thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát muốn đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều được tự tại thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát muốn đối với

tất cả Tam-ma-địa Sư tử du hí cho đến Tam-ma-địa Sư tử phấn tấn nhập xuất tự tại thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát muốn đối với việc vào ra Tam-ma-địa Kiên hành, Tam-ma-địa Bảo ấn, Tam-ma-địa Diệu nguyệt, Tam-ma-địa Nguyệt tràng tướng, Tam-ma-địa Nhất thiết pháp ấn, Tam-ma-địa Quán ấn, Tam-ma-địa Pháp giới quyết định, Tam-ma-địa Quyết định tràng tướng, Tam-ma-địa Kim cang dụ, Tam-ma-địa Nhập nhất thiết pháp môn, Tam-ma-địa Tam-ma-địa vương, Tam-ma-địa Vương ấn, Tam-ma-địa Lực thanh tịnh, Tam-ma-địa Bảo khiếp, Tam-ma-địa Nhập nhất thiết pháp ngôn từ quyết định, Tam-ma-địa Nhập nhất thiết pháp tăng ngữ, Tam-ma-địa Quán sát thập phương, Tam-ma-địa Nhất thiết pháp Đà-la-ni môn ấn, Tam-ma-địa Nhất thiết pháp không quên mất, Tam-ma-địa Nhất thiết pháp đăng thú hành tướng ấn, Tam-ma-địa Trụ hư không xứ, Tam-ma-địa Tam luân thanh tịnh, Tam-ma-địa Bất thoái thần thông, Tam-ma-địa Khí dũng, Tam-ma-địa Thắng định tràng tướng và vô lượng Tam-ma-địa thù thắng khác đều được tự tại thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát muốn làm viên mãn sở nguyện của tất cả hữu tình thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát muốn làm viên mãn căn lành thù thắng như vậy, do căn lành này được viên mãn nên không đọa vào các đường ác, không sinh vào nhà bần tiện, không rơi vào địa vị Thanh văn và Độc giác, đối với ngôi vị Bồ-tát hoàn toàn không thoái lui thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

– Thế nào gọi là Bồ-tát bị thoái đọa?

Thiện Hiện đáp:

– Nếu các Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo mà thực hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, không có phương tiện thiện xảo an trú ba pháp môn giải thoát thì bị thoái lui ở địa vị Thanh văn hoặc Độc giác, không vào được pháp Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát. Như vậy gọi là Bồ-tát bị thoái đọa.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

– Thế nào gọi là sinh?

Thiện Hiện đáp:

– Sinh là pháp ái.

Xá-lợi Tử hỏi:

– Thế nào là pháp ái?

Thiện Hiện đáp:

– Nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trú nơi không của sắc mà sinh tưởng chấp trước, an trú nơi không của thọ tướng, hành, thức mà sinh tưởng chấp trước; an trú nơi vô tướng của sắc mà sinh tưởng chấp trước, an trú nơi vô tướng của thọ tướng, hành, thức mà sinh tưởng chấp trước; an trú nơi vô nguyện của sắc mà sinh tưởng chấp trước, an trú nơi vô nguyện của thọ tướng, hành, thức mà sinh tưởng chấp trước, an trú nơi tịch tĩnh của sắc mà sinh tưởng chấp trước, an trú nơi tịch tĩnh của thọ tướng, hành, thức mà sinh tưởng chấp trước; an trú nơi xa lìa của sắc mà sinh tưởng chấp trước, an trú nơi xa lìa của thọ, tướng, hành, thức mà sinh tưởng chấp trước; an trú nơi vô thường của sắc mà sinh tưởng chấp trước, an trú nơi vô thường của thọ, tướng, hành, thức mà sinh tưởng chấp trước; an trú nơi khổ của sắc mà sinh tưởng chấp trước, an trú nơi khổ của thọ tướng, hành, thức mà sinh tưởng chấp trước; an trú nơi vô ngã của sắc mà sinh tưởng chấp trước, an trú nơi vô ngã của thọ, tướng, hành, thức mà sinh tưởng chấp trước; an trú nơi bất tịnh của sắc mà sinh tưởng chấp trước, an trú nơi bất tịnh của thọ tướng, hành,

thức mà sinh tướng chấp trước, thì thừa Hiền giả Xá-lợi Tử đó là Đại Bồ-tát tùy thuận pháp ái, chính pháp ái này gọi là sinh.

Lại nữa thừa Hiền giả Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát nghĩ như vậy: “Sắc này nên đoạn; thọ, tưởng, hành, thức này nên đoạn”, do đó nên sắc được đoạn, do đó nên thọ, tưởng, hành, thức được đoạn; “Khổ này nên biết hết” do đó nên khổ được biết trọn vẹn; “Tập này nên đoạn hẳn”, do đó nên tập được đoạn hẳn; “Diệt này nên chứng”, do đó nên diệt được chứng; “Đạo này nên tu tập”, do đó nên đạo được tu tập; “Đây là tạp nhiễm, đây là thanh tịnh, đây nên thân cận, đây không nên thân cận, điều này nên làm, điều này không nên làm, đây là đạo, đây chẳng phải là đạo, điều này nên học điều này không nên học, đây là Bồ thí ba-la-mật-đa, đây chẳng phải là Bồ thí ba-la-mật-đa, đây là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, đây chẳng phải là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, đây là phương tiện thiện xảo, đây chẳng phải là phương tiện thiện xảo, đây là sự sinh của Bồ-tát, đây là sự lìa sinh của Bồ-tát” thì thừa Hiền giả Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa an trú nơi các pháp ngôn này mà sinh tướng đấm trước thì đó là Đại Bồ-tát tùy thuận pháp ái, chính pháp ái này gọi là sinh, như thức ăn để cách đêm hay sinh ra các bệnh hoạn.

Lúc bấy giờ, Cụ thọ Xá-lợi Tử hỏi Cụ thọ Thiện Hiện:

– Thế nào là nhập Chánh tánh ly sinh của Đại Bồ-tát?

Thiện Hiện đáp:

– Thừa Hiền giả Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không thấy pháp không bên trong, không nương pháp không bên trong mà quán pháp không bên ngoài; không thấy pháp không bên ngoài, không nương pháp không bên ngoài mà quán pháp không bên trong; không nương pháp không bên ngoài mà quán pháp không cả trong ngoài; không thấy pháp không cả trong ngoài, không nương pháp không cả trong ngoài mà quán pháp không không; không thấy pháp không không, không nương pháp không không mà quán pháp không bên trong; không nương pháp không không mà quán pháp không lớn; không thấy pháp không lớn, không nương pháp không lớn mà quán pháp không không; không nương pháp không lớn mà quán pháp không thắng nghĩa; không thấy pháp không thắng nghĩa, không nương pháp không thắng nghĩa mà quán pháp không lớn; không nương pháp không thắng nghĩa mà quán pháp không hữu vi; không thấy pháp không hữu vi, không nương pháp không hữu vi mà quán pháp không thắng nghĩa; không nương pháp không hữu vi mà quán pháp không vô vi; không thấy pháp không vô vi, không nương pháp không vô vi mà quán pháp không hữu vi; không nương pháp không vô vi mà quán pháp không rốt ráo; không thấy pháp không rốt ráo, không nương pháp không rốt ráo mà quán pháp không vô vi; không nương pháp không rốt ráo mà quán pháp không không biên giới; không thấy pháp không không biên giới, không nương pháp không không biên giới mà quán pháp không rốt ráo; không nương vào pháp không không biên giới mà quán pháp không tản mạn chẳng đối khác; không thấy pháp không tản mạn chẳng đối khác không nương vào pháp không tản mạn chẳng đối khác mà quán pháp không không biên giới; không nương vào pháp không tản mạn chẳng đối khác mà quán pháp không bản tánh; không thấy pháp không bản tánh, không nương pháp không bản tánh mà quán pháp không tản mạn chẳng đối khác; không nương pháp không bản tánh mà quán pháp không tự tướng cộng tướng; không thấy pháp không tự tướng cộng tướng mà quán pháp không bản tánh; không nương pháp không tự tướng cộng tướng mà quán pháp không nơi tất cả pháp; không thấy pháp không nơi tất

cả pháp, không nương pháp không nơi tất cả pháp mà quán pháp không tự tướng cộng tướng; không nương pháp không nơi tất cả pháp mà quán pháp không chẳng thể nắm bắt được; không thấy pháp không chẳng thể nắm bắt được, không nương pháp không chẳng thể nắm bắt được mà quán pháp không nơi tất cả pháp; không nương pháp không chẳng thể nắm bắt được mà quán pháp không không tánh; không thấy pháp không không tánh, không nương pháp không không tánh mà quán pháp không chẳng thể nắm bắt được; không nương pháp không không tánh mà quán pháp không tự tánh; không thấy pháp không tự tánh, không nương pháp không tự tánh mà quán pháp không không tánh; không nương pháp không tự tánh mà quán pháp không không tánh tự tánh; không thấy pháp không không tánh tự tánh, không nương pháp không không tánh tự tánh mà quán pháp không tự tánh, thì thưa Hiền giả Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát này khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán như vậy gọi là nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát.

Lại nữa thưa Hiền giả Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa nên học như vậy: Biết như thật về sắc, không nên chấp; biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức, không nên chấp; biết như thật về nhãn xứ, không nên chấp; biết như thật về nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, không nên chấp; biết như thật về sắc xứ, không nên chấp; biết như thật về thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, không nên chấp; biết như thật về nhãn giới, không nên chấp; biết như thật về nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, không nên chấp; biết như thật về sắc giới, không nên chấp; biết như thật về thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, không nên chấp; biết như thật về nhãn thức giới, không nên chấp; biết như thật về nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, không nên chấp; biết như thật về Bồ thí ba-la-mật-đa, không nên chấp; biết như thật về Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, không nên chấp; biết như thật về bốn Tĩnh lự, không nên chấp; biết như thật về bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, không nên chấp; biết như thật về bốn Niệm trụ, không nên chấp; biết như thật về bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đăng giác, tám chi Thánh đạo, không nên chấp; biết như thật về mười lực của Phật, không nên chấp; biết như thật về bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, không nên chấp.

Như vậy, thưa Hiền giả Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể biết như thật tâm Bồ-đề, không nên chấp; tâm không gì bằng, không nên chấp; tâm rộng lớn, không nên chấp. Vì sao? Thưa Hiền giả Xá-lợi Tử, vì tâm này chẳng phải tâm, bản tánh thanh tịnh.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Tại sao tâm này bản tánh thanh tịnh?

Thiện Hiện đáp:

–Bản tánh tâm này đối với tham không tương ứng, chẳng phải không tương ứng, đối với sân không tương ứng, chẳng phải không tương ứng; đối với si không tương ứng, chẳng phải không tương ứng; đối với tùy miên trói buộc không tương ứng, chẳng phải không tương ứng; đối với các tà kiến phiền não không tương ứng, chẳng phải không tương ứng; đối với tâm các Thanh văn, Độc giác không tương ứng cũng chẳng phải không tương ứng. Thưa Hiền giả Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát biết tâm như vậy bản tánh thanh tịnh.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Tâm này có tánh chẳng phải tâm chẳng?

Thiện Hiện hỏi lại:

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

–Trong tánh chẳng phải tâm, tánh có, tánh không có thể nắm bắt chăng?

Xá-lợi Tử đáp:

–Không thể nắm bắt được.

Thiện Hiện nói:

–Nếu trong tánh chẳng phải tâm, tánh có, tánh không nếu không thể nắm bắt được thì tại sao lại hỏi tâm này có tánh chẳng phải tâm không?

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Thế nào gọi là tánh chẳng phải tâm.

Thiện Hiện đáp:

–Đối với tất cả pháp không biến đổi, không phân biệt gọi là tánh chẳng phải tâm.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Chỉ có tâm không biến đổi, không phân biệt hay là sắc, thọ, tưởng, hành, thức... cũng không biến đổi, không phân biệt?

Thiện Hiện đáp:

–Cũng như tâm không biến đổi, không phân biệt; sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không biến đổi, không phân biệt. Như vậy, cho đến quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng không biến đổi, không phân biệt.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử khen ngợi Thiện Hiện:

–Lành thay, lành thay! Đúng như lời Hiền giả nói. Hiền giả đúng là Phật tử từ tâm Phật sinh, từ miệng Phật sinh, từ pháp Phật sinh, từ pháp hóa sinh, thọ nhận phần pháp Phật, không nhận phần tài vật, đối với các pháp tự mình chứng đắc Tuệ nhãn, thấy rõ mới có thể nói được như vậy. Phật thường nói Hiền giả là người đứng đầu trụ Vô tánh định trong chúng Thanh văn, đúng như lời Phật nói, chân thật không hư vọng.

Thưa Hiền giả Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa nên học như vậy.

Thưa Hiền giả Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa có thể học như vậy thì nên biết Bồ-tát đó đã trụ địa vị không thoái chuyển, không lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thưa Hiền giả Thiện Hiện, thiện nam, thiện nữ nào muốn học địa vị Thanh văn thì đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy nên siêng năng lắng nghe, học tập, đọc tụng, thọ trì, tư duy như lý làm cho đến chỗ rốt ráo; muốn học địa vị Độc giác cũng đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy nên siêng năng lắng nghe, học tập, đọc tụng, thọ trì, tư duy như lý làm cho đến chỗ rốt ráo; muốn học địa vị Bồ-tát cũng đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy nên siêng năng lắng nghe, học tập đọc tụng, thọ trì, tư duy như lý làm cho đến chỗ rốt ráo. Vì sao? Thưa Hiền giả Thiện Hiện, vì trong kinh Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, đã giảng nói mở bày giáo pháp ba thừa, Đại Bồ-tát nào có thể học Bát-nhã ba-la-mật-đa tức là học hết giáo pháp ba thừa một cách thiện xảo.

M

Phẩm 8: THẮNG QUÂN (1)

Lúc bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, đối với Đại Bồ-tát và Bát-nhã ba-la-mật-đa, con đều không biết, không đắc thì làm sao bảo con đem pháp tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật-đa dạy bảo,

trao truyền cho các Đại Bồ-tát?

Bạch Thế Tôn, đối với các pháp hoặc tăng hoặc giảm, con không biết, không đắc, nếu đem các pháp dạy bảo, trao truyền cho các Đại Bồ-tát thì con sẽ hối hận.

Bạch Thế Tôn, đối với các pháp hoặc tăng hoặc giảm, con đều không biết, không đắc làm sao có thể nói đây là Đại Bồ-tát, đây là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, tên các Đại Bồ-tát và tên Bát-nhã ba-la-mật-đa đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì hai loại nghĩa này không có nên hai tên này đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với sắc cho đến thức hoặc tăng, hoặc giảm, con đều không biết, không đắc. Như vậy sao có thể nói đây là sắc cho đến thức. Tên của sắc... này đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của sắc... này đều không có, nên tên của sắc... này đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với nhãn xứ cho đến ý xứ hoặc tăng, hoặc giảm, con đều không biết, không đắc. Như vậy sao có thể nói đây là nhãn xứ cho đến ý xứ. Tên nhãn xứ... đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của nhãn xứ... đều không có, nên tên của nhãn xứ... đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với sắc xứ cho đến pháp xứ hoặc tăng, hoặc giảm, con không biết, không đắc. Như vậy sao có thể nói đây là sắc xứ cho đến pháp xứ. Tên sắc xứ... đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của sắc xứ... đều không có, nên tên của sắc xứ... đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với nhãn giới cho đến ý giới hoặc tăng, hoặc giảm, con không biết, không đắc. Như vậy sao có thể nói đây là nhãn giới cho đến ý giới. Tên của nhãn giới... đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của nhãn giới... đều không có, nên tên của nhãn giới... đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với sắc giới cho đến pháp giới hoặc tăng, hoặc giảm, con đều không biết, không đắc. Như vậy sao có thể nói đây là sắc giới cho đến pháp giới. Tên của sắc giới... đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của sắc giới... đều không có, nên tên của sắc giới... đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với nhãn thức giới cho đến ý thức giới hoặc tăng, hoặc giảm, con không biết, không đắc. Như vậy sao có thể nói đây là nhãn thức giới cho đến ý thức giới. Tên của nhãn thức giới... đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của nhãn thức giới... đều không có, nên tên của nhãn thức giới... đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với nhãn xúc cho đến ý xúc hoặc tăng, hoặc giảm, con đều không biết, không đắc. Như vậy sao có thể nói đây là nhãn xúc cho đến ý xúc. Tên của nhãn xúc... đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của nhãn xúc... đều không có, nên tên của nhãn xúc... đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc tăng, hoặc giảm, con không biết, không đắc. Như vậy sao có thể nói đây là các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra. Tên của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra... đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì các nghĩa của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra... không có, nên tên các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra... đều không chỗ trụ cũng

chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với vô minh cho đến lão tử hoặc tăng, hoặc giảm, con không biết, không đắc. Như vậy, sao có thể nói đây là vô minh cho đến lão tử. Tên của vô minh... đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của vô minh... đều không có, nên tên của vô minh... đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với vô minh diệt cho đến lão tử diệt hoặc tăng, hoặc giảm, con không biết, không đắc. Như vậy sao có thể nói đây là vô minh cho đến lão tử diệt. Tên của vô minh diệt... đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của vô minh diệt... đều không có, nên tên của vô minh diệt... đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với tham, sân, si và các tùy miên trói buộc tà kiến hoặc tăng, hoặc giảm, con đều không biết, không đắc. Như vậy sao có thể nói đây là tham... Tên của tham... này đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của tham... đều không có, nên tên của tham... đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc tăng, hoặc giảm, con không biết, không đắc. Như vậy, sao có thể nói đây là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tên của Bố thí ba-la-mật-đa... đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của nghĩa của Bố thí ba-la-mật-đa... đều không có, nên tên của Bố thí ba-la-mật-đa... đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với ngã cho đến cái thấy hoặc tăng, hoặc giảm, con không biết, không đắc. Như vậy, sao có thể nói đây là ngã cho đến cái thấy. Tên của ngã... đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của ngã... đều không có, nên tên của ngã... đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo hoặc tăng, hoặc giảm, con không biết, không đắc. Như vậy sao có thể nói đây là bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo. Tên của bốn Niệm trụ... đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của bốn Niệm trụ... đều không có, nên tên của bốn Niệm trụ... đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với pháp môn giải thoát Không cho đến pháp môn giải thoát Vô nguyện hoặc tăng, hoặc giảm, con không biết, không đắc. Như vậy sao có thể nói đây là pháp môn giải thoát Không cho đến pháp môn giải thoát Vô nguyện. Tên của pháp môn giải thoát Không... đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của pháp môn giải thoát Không... đều không có, nên tên của pháp môn giải thoát Không... đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc tăng, hoặc giảm, con không biết, không đắc. Như vậy sao có thể nói đây là bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Tên của bốn Tĩnh lự... đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của bốn Tĩnh lự... đều không có, nên tên của bốn Tĩnh lự... đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với tùy niệm Phật, tùy niệm Pháp, tùy niệm Tăng, tùy niệm giới, tùy niệm xả, tùy niệm thiên, tùy niệm hơi thở ra vào, tùy niệm tử hoặc tăng, hoặc giảm, con đều không biết, không đắc. Như vậy sao có thể nói đây là tùy niệm Phật cho đến tùy niệm tử. Tên của tùy niệm Phật... đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của tùy niệm Phật... đều không có, nên tên của tùy niệm Phật... đều

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng hoặc tăng, hoặc giảm, con đều không biết, không đắc. Như vậy, sao có thể nói đây là mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Tên của mười lực của Phật... đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của mười lực của Phật... đều không có, nên tên của mười lực của Phật... đều không chỗ trụ cũng chẳng phải không trụ.

